



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh

Chủ tịch

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Minh Tuấn

Chủ tịch

(Đến ngày 20 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Minh Tuấn

Thành viên

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Nguyễn Quang Quyền

Thành viên

Ông Nguyễn Trọng Hiền

Thành viên

(Đến ngày 9 tháng 4 năm 2018)

Ông Lê Tuấn Hải

Thành viên HĐQT độc lập

(Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)

Ông Đinh Văn Sơn

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Lượng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 13 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-354-02-HY




Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		825.751.023.893	677.299.812.513
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	148.912.215.713	101.586.601.625
Tiền	111		4.331.006.217	64.777.317.978
Các khoản tương đương tiền	112		144.581.209.496	36.809.283.647
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.781.681.358	436.677.737.524
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	440.781.681.358	436.677.737.524
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		227.623.182.052	129.205.432.852
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	181.296.747.515	88.443.041.942
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.983.301.499	1.843.093.483
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	52.359.552.924	47.043.192.163
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.219.419.886)	(8.326.894.736)
Hàng tồn kho	140	10(a)	8.037.873.857	9.462.683.748
Tài sản ngắn hạn khác	150		396.070.913	367.356.764
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		218.877.479	190.163.330
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		177.193.434	177.193.434

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		621.595.004.374	670.043.676.738
Các khoản phải thu dài hạn	210		406.000.000	609.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		406.000.000	609.000.000
Tài sản cố định	220		471.112.708.452	517.161.713.756
Tài sản cố định hữu hình	221	11	454.185.047.749	499.936.283.349
Nguyên giá	222		2.514.640.039.066	2.512.824.495.501
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.060.454.991.317)	(2.012.888.212.152)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.927.660.703	17.225.430.407
Nguyên giá	228		20.661.171.225	22.661.171.225
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.733.510.522)	(5.435.740.818)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.722.581.034	1.532.873.358
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.722.581.034	1.532.873.358
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	141.240.082.462	141.240.082.462
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		29.260.082.462	29.260.082.462
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.880.000.000)	(38.880.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		7.113.632.426	9.500.007.162
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.017.612.721	4.402.812.457
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.465.846.105	1.465.846.105
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	3.630.173.600	3.631.348.600
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.447.346.028.267	1.347.343.489.251

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		299.592.784.672	289.670.162.764
Nợ ngắn hạn	310		139.892.570.036	118.948.685.628
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.470.108.340	6.288.259.177
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.570.411.364	2.189.595.934
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	66.988.328.721	43.176.884.219
Phải trả người lao động	314		19.820.778.498	24.019.369.179
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	5.416.921.501	3.683.192.337
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	11.143.788.208	13.094.223.866
Vay ngắn hạn	320	17(a)	22.014.668.976	22.014.668.976
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	6.467.564.428	4.482.491.940
Nợ dài hạn	330		159.700.214.636	170.721.477.136
Vay dài hạn	338	17(b)	151.709.987.800	162.709.987.800
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.781.814.000	2.803.076.500
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	19	5.208.412.836	5.208.412.836
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.147.753.243.595	1.057.673.326.487
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.147.753.243.595	1.057.673.326.487
Vốn cổ phần	411	21	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	39.836.280.218	6.661.122.638
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		304.921.854.947	245.729.721.739
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		98.550.327.655	16.159.656.715
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		206.371.527.292	229.570.065.024
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.540.740.339	48.828.114.019
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.447.346.028.267	1.347.343.489.251

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán

Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	406.062.453.147	361.327.144.891
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	140.818.156.120	146.155.634.237
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		265.244.297.027	215.171.510.654
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.807.929.733	11.139.644.427
Chi phí tài chính	22		7.703.856.154	9.020.260.262
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.703.856.154	9.020.260.262
Phần lãi trong công ty liên kết	24		-	1.334.070.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.375.043.635	20.340.360.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		259.973.326.971	198.284.604.711
Thu nhập khác	31		1.488.000	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		1.488.000	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		259.974.814.971	198.284.604.711
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	49.494.759.475	35.853.818.091
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	(280.355.764)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		210.480.055.496	162.711.142.384
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		206.371.527.292	158.869.900.384
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.108.528.204	3.841.242.000
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.948	2.270

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán

Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		259.974.814.971	198.284.604.711
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		47.864.548.869	67.553.034.292
Các khoản dự phòng	03		(107.474.850)	9.623.635.121
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.807.929.733)	(11.139.644.427)
Lãi trong các công ty liên kết	05		-	(1.334.070.883)
Chi phí lãi vay	06		7.703.856.154	9.020.260.262
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		298.627.815.411	272.007.819.076
Biến động các khoản phải thu	09		(95.445.610.322)	(52.732.510.968)
Biến động hàng tồn kho	10		1.425.984.891	1.155.498.341
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		12.227.905.779	3.528.213.033
Biến động chi phí trả trước	12		2.356.485.587	(143.108.526)
			219.192.581.346	223.815.910.956
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.928.415.533)	(5.714.618.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(42.973.283.115)	(18.979.786.287)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		102.920.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.290.134.400)	(6.133.636.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		161.103.668.298	192.987.869.091
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(2.005.251.241)	(4.414.542.837)
Tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(264.142.638.889)	(70.000.000.000)
Tiền rút tiền gửi có kỳ hạn	24		260.038.695.055	24.272.248.750
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		14.146.265.705	1.986.842.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.037.070.630	(48.155.451.473)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	155.113.836.433
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.000.000.000)	(160.613.836.433)
Tiền chi trả cổ tức	36	(110.815.124.840)	(189.588.571.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(121.815.124.840)	(195.088.571.194)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	47.325.614.088	(50.256.153.576)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	101.586.601.625	78.710.172.666
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	148.912.215.713	28.454.019.090

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Hồ Nguyễn Phương Trâm
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
 Phụ trách Kế toán





Lê Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Loại hình	Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
Các công ty con					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty có 174 nhân viên (1/1/2018: 178 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Nhóm Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.782.584.247	2.279.796.166
Tiền gửi ngân hàng	2.548.421.970	62.497.521.812
Các khoản tương đương tiền	144.581.209.496	36.809.283.647
	148.912.215.713	101.586.601.625

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,5% một năm (1/1/2018: 4,8% đến 5,3% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	440.781.681.358	436.677.737.524

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,5% đến 7,5% (1/1/2018: 6,5% đến 7,5%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2018					1/1/2018				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (*)	3.260.000	20%	20%	27.777.139.970	-	3.260.000	20%	20%	27.777.139.970	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*)	140.000	35%	35%	1.482.942.492	-	140.000	35%	35%	1.482.942.492	-
				29.260.082.462	-				29.260.082.462	-
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(38.880.000.000)	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(38.880.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-
				150.860.000.000	(38.880.000.000)				150.860.000.000	(38.880.000.000)
				180.120.082.462	(38.880.000.000)				180.120.082.462	(38.880.000.000)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	29.260.082.462	44.318.318.885
Lãi đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ	-	1.334.070.883
Điều chỉnh lỗ liên quan tới năm trước	-	(1.966.344.993)
Số dư cuối kỳ	29.260.082.462	43.686.044.775

Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	154.840.187.641	75.233.896.795
Các khách hàng khác	26.456.559.874	13.209.145.147
	181.296.747.515	88.443.041.942

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	154.840.187.641	75.233.896.795
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.134.377.730	4.823.672.656
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	12.259.796.198	5.408.460.591
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	1.361.446.917	613.346.813
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	740.435.746	223.441.625

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Phải thu Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.403.205.715	27.403.205.715
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	678.385.139	-
Các bên khác		
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.806.982.000	10.145.317.972
Các khoản phải thu khác	11.470.980.070	9.494.668.476
	52.359.552.924	47.043.192.163

Các khoản phi thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	766.414.316	-	849.819.994	-
Công cụ và dụng cụ	12.148.030	-	10.337.030	-
Dịch vụ dở dang	7.259.311.511	-	8.602.526.724	-
	8.037.873.857	-	9.462.683.748	-

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là toàn bộ các thiết bị đi kèm với gói thầu mua máy móc thiết bị của Nhóm Công ty khi xây dựng nhà máy.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.634.049.331.284	752.511.905.383	119.397.506.401	6.865.752.433	2.512.824.495.501
Tăng trong kỳ	193.648.410	561.436.064	1.060.459.091	-	1.815.543.565
Số dư cuối kỳ	1.634.242.979.694	753.073.341.447	120.457.965.492	6.865.752.433	2.514.640.039.066
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.256.882.955.829	636.021.255.825	114.059.559.489	5.924.441.009	2.012.888.212.152
Khấu hao trong kỳ	41.910.949.393	5.149.259.470	367.995.134	138.575.168	47.566.779.165
Số dư cuối kỳ	1.298.793.905.222	641.170.515.295	114.427.554.623	6.063.016.177	2.060.454.991.317
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	377.166.375.455	116.490.649.558	5.337.946.912	941.311.424	499.936.283.349
Số dư cuối kỳ	335.449.074.472	111.902.826.152	6.030.410.869	802.736.256	454.185.047.749

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.784.961 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 981.454 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 322.917 triệu VND (1/1/2018: 330.958 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	20.591.971.225	2.000.000.000	69.200.000	22.661.171.225
Xóa sổ	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	20.591.971.225	-	69.200.000	20.661.171.225
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.366.540.818	2.000.000.000	69.200.000	5.435.740.818
Khấu hao trong kỳ	297.769.704	-	-	297.769.704
Xóa sổ	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	3.664.310.522	-	69.200.000	3.733.510.522
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	17.225.430.407	-	-	17.225.430.407
Số dư cuối kỳ	16.927.660.703	-	-	16.927.660.703

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 69 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 2.069 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Viện Nghiên cứu Cơ khí	2.569.600.000	-
Tổng Công ty 789 - Bộ Quốc phòng - CN Miền Trung	1.102.139.189	1.102.139.189
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	-	1.011.525.505
Các nhà cung cấp khác	2.798.369.151	4.174.594.483
	6.470.108.340	6.288.259.177

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công Ty Lưới Điện Cao Thế Miền Trung	26.400.000	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	6.917.857	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phát sinh	Số đã nộp/	30/6/2018
	VND	trong kỳ	đã cần trừ	VND
		VND	trong kỳ	
			VND	
Thuế giá trị gia tăng	4.122.555.930	40.587.262.487	(35.974.300.175)	8.735.518.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.487.697.950	49.494.759.475	(42.973.283.115)	37.009.174.310
Thuế thu nhập cá nhân	239.148.482	2.813.869.358	(2.716.662.530)	336.355.310
Thuế tài nguyên	3.694.000.111	35.393.682.698	(30.704.377.820)	8.383.304.989
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.633.481.746	14.805.540.684	(10.788.406.560)	8.650.615.870
Các loại thuế khác	-	6.850.663.000	(2.977.303.000)	3.873.360.000
	43.176.884.219	149.945.777.702	(126.134.333.200)	66.988.328.721

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.292.522.233	3.517.081.612
Chi phí sửa chữa lớn	2.124.399.268	-
Khác	-	166.110.725
	5.416.921.501	3.683.192.337

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	9.621.403.169	9.187.414.009
Các khoản phải trả khác	1.522.385.039	3.906.809.857
	11.143.788.208	13.094.223.866

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2018 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 30/6/2018 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000	(12.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	22.014.668.976	11.000.000.000	(11.000.000.000)	22.014.668.976
	22.014.668.976	23.000.000.000	(23.000.000.000)	22.014.668.976

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	173.724.656.776	184.724.656.776
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(22.014.668.976)	(22.014.668.976)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	151.709.987.800	162.709.987.800

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Khoản vay có đảm bảo					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước					
- Khoản vay 1	VND	9,5%	2024	22.500.000.000	24.000.000.000
- Khoản vay 2	VND	8,4%	2026	147.500.000.000	156.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	VND	9,38%	2021	3.724.656.776	4.724.656.776
				173.724.656.776	184.724.656.776

Khoản vay dài hạn ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 322.917 triệu VND (1/1/2018: 330.958 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.482.491.940	9.312.912.428
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	9.151.024.388	6.576.594.200
Tăng khác	102.920.000	-
Sử dụng trong kỳ	(7.268.871.900)	(6.023.188.900)
Số dư cuối kỳ	6.467.564.428	9.866.317.728

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Nhóm Công ty. Không có biến động quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	92.005.418.983	86.196.917.402	42.379.432.170	977.036.136.646
Góp vốn	-	-	-	-	460.310.000	460.310.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	158.869.900.384	3.841.242.000	162.711.142.384
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.217.410.465	(5.217.410.465)	-	-
Hoàn nhập quỹ	-	-	(90.688.965.210)	90.688.965.210	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(5.981.986.239)	(594.607.961)	(6.576.594.200)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(147.000.000.000)	-	(147.000.000.000)
Điều chỉnh lãi trong các công ty liên kết liên quan tới kỳ trước	-	-	127.258.400	(2.093.603.393)	-	(1.966.344.993)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	700.000.000.000	56.454.368.091	6.661.122.638	175.462.782.899	46.086.376.209	984.664.649.837
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	155.279.122.175	3.109.253.275	158.388.375.450
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.012.183.335)	(367.515.465)	(1.379.698.800)
Cổ tức	-	-	-	(84.000.000.000)	-	(84.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	6.661.122.638	245.729.721.739	48.828.114.019	1.057.673.326.487
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	206.371.527.292	4.108.528.204	210.480.055.496
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.175.157.580	(33.175.157.580)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(9.004.236.504)	(146.787.884)	(9.151.024.388)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(105.000.000.000)	(6.249.114.000)	(111.249.114.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	39.836.280.218	304.921.854.947	46.540.740.339	1.147.753.243.595

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 189.000 triệu VND tương đương 2.700 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: phân phối khoản cổ tức là 189.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016, tương đương 2.700 VND/cổ phiếu). Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 84.000 triệu VND cuối năm 2017, theo đó, Công ty tiếp tục phân phối phần cổ tức còn lại là 105.000 triệu VND.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Doanh thu bán điện	397.282.667.647	356.640.709.094
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	8.779.785.500	4.686.435.797
	406.062.453.147	361.327.144.891

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	133.815.923.653	141.219.888.941
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	7.002.232.467	4.935.745.296
	140.818.156.120	146.155.634.237

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.807.929.733	10.899.644.427
Cổ tức	-	240.000.000
	16.807.929.733	11.139.644.427

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.323.868.190	10.800.627.071
Thuế, phí và lệ phí	54.252.000	59.230.086
Chi phí khấu hao	863.728.960	827.096.195
Chi phí khác	5.133.194.485	8.653.407.639
	14.375.043.635	20.340.360.991

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.059.903.193	3.489.416.346
Chi phí nhân công và nhân viên	23.521.099.971	26.579.943.163
Chi phí khấu hao	47.864.548.869	67.553.034.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.411.783.594	6.524.404.240
Chi phí sửa chữa lớn	6.162.890.759	11.399.001.408
Chi phí khác	70.172.973.369	50.950.195.779

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	49.494.759.475	35.853.818.091
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	(280.355.764)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	49.494.759.475	35.573.462.327

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	259.974.814.971	198.284.604.711
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	51.994.962.994	39.656.920.942
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(2.521.144.246)	(4.065.778.064)
Thu nhập không bị tính thuế	-	(48.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	20.940.727	30.319.449
	49.494.759.475	35.573.462.327

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2011 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm, từ năm 2011 đến 2019. Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, miễn thuế từ năm 2015 đến 2018 và giảm 50% trong 9 năm từ năm 2019 đến năm 2027.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	206.371.527.292	158.869.900.384
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	206.371.527.292	158.869.900.384

- (*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm trình bày là 70.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2017
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	6.833.333	-
Cổ tức	54.512.250.000	98.122.050.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức	44.765.610.000	80.578.098.000
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	349.466.563.873	302.784.937.149
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Doanh thu bán điện	26.737.006.153	25.037.955.734
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Doanh thu bán điện	21.079.097.621	28.817.816.211
Mua hàng hóa dịch vụ	758.130.251	-
Cung cấp dịch vụ	2.860.000	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6		
Cung cấp dịch vụ	2.310.610.311	801.604.057
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Tạm ứng mua hàng hóa dịch vụ	49.926.485	-
Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.130.039.590	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	816.117.250	930.354.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Nhóm Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Hồ Nguyễn Phương Trâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Phụ trách Kế toán



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

